

Số: 83/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – QUẢNG NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đặng Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh

2. Ông Bùi Văn Thắng

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý theo thông báo thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thông báo thụ lý yêu cầu phản tố số 74.1/2024/TB-TLVA ngày 07/10/2024 về việc “Chia tài sản khi ly hôn”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-Nguyên đơn: anh Lê Đức T, sinh năm: 1984. Nơi thường trú: Tập thể Lữ Đoàn 147, Bộ T2, H. Địa chỉ: khu G, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Q, tỉnh Quảng Ninh).

-Bị đơn: chị Đào Lan C, sinh năm: 1989. Nơi thường trú: khu E, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Q, tỉnh Quảng Ninh). Nơi ở hiện nay: số A phố T, khu G, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Q, tỉnh Quảng Ninh).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: anh Lê Đức T và chị Đào Lan C thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: anh Lê Đức T và chị Đào Lan C có 01 con chung là Lê

Minh T1 – sinh ngày 24/01/2013, giao cho chị C quyền trực tiếp nuôi con Lê Minh T1 - sinh ngày 24/01/2013; anh Lê Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 4.000.000đồng/tháng (*Bốn triệu đồng/tháng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2026 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Lê Đức T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3.Về tài sản chung: anh T, chị C thống nhất chia tài sản chung đối với quyền dụng thửa đất số 220, tờ bản đồ số 56, vị trí tại thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (hiện nay là thôn N, xã K, tỉnh Hà Tĩnh), đất đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp GCNQSDĐ số CE 385096 cấp ngày 07/4/2017 cấp cho chị Đào Lan C và anh Lê Đức T, diện tích trong GCNQSDĐ là 376,4m², trong đó đất ở 150m², đất trồng cây lâu năm 226,4m²; diện tích theo hiện trạng 374,4m²: Thửa đất được chia theo chiều Bắc xuống Nam, bằng cạnh BA, trong đó điểm B chia đôi cạnh số 5-4, vị trí điểm B được xác định: cạnh B-5 dài 6,77m; cạnh B-4 dài 6,77m; điểm A chia đôi cạnh 2-3, vị trí điểm A được xác định: cạnh A-2 dài 6,56m, cạnh A-3 dài 6,77m; anh T, chị C được chia cụ thể như sau:

(1)Anh T được quyền sử dụng phần đất được giới hạn bởi các điểm S(A,3,4,B,A) là một phần phía Đông thửa đất số 220, tờ bản đồ số 56, vị trí tại thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (hiện nay là thôn N, xã K, tỉnh Hà Tĩnh), đất đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp GCNQSDĐ số CE 385096 cấp ngày 07/4/2017 cấp cho chị Đào Lan C và anh Lê Đức T;

(2)Chị C được quyền sử dụng phần đất được giới hạn bởi các điểm S(A,2,1,6,5,B,A) là một phần phía Tây thửa đất số 220, tờ bản đồ số 56, vị trí tại thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (hiện nay là thôn N, xã K, tỉnh Hà Tĩnh), đất đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp GCNQSDĐ số CE số CE 385096 cấp ngày 07/4/2017 cấp cho chị Đào Lan C và anh Lê Đức T;

Tài sản hiện có trên đất phần của ai được chia người đó được sử dụng, đất ở là 150m² chi đôi, anh T, chị C mỗi người được chia 75m² đất ở.

Vị trí nêu trên được xác định trên bản Sơ đồ hiện trạng thửa đất (sơ đồ do anh T, chị C thỏa thuận chia)

(Sơ đồ đính kèm quyết định này)

2.3. Chi phí tố tụng:

-Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết

-Án phí:

+Án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là anh Lê Đức T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí không giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003938 ngày 24/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã

Quảng Yên (nay là Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 2- Quảng Ninh), anh T đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

+Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: anh Lê Đức T và chị Đào Lan C mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.176.000đồng (*Năm triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*). Tiền án phí chị C phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C1 đã nộp 18.000.000đồng (*Mười tám triệu đồng*) theo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003972 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên (nay là Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 2- Quảng Ninh), trả lại chị Đào Lan C số tiền tạm ứng án phí 12.824.000đồng (*Mười hai triệu tám trăm hai mươi tư nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND khu vực 2-Quảng Ninh
- Chi cục THADS khu vực2-Quảng Ninh
- UBND phường Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP\

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Minh Nga

